

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Tầng 20, Tòa nhà Sun Wah, số 115 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

ĐT: 028.36221025 Fax: 028.36367100

-----\*\*\*\*\*-----

**BÁO CÁO**  
**TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**QUÝ 1/2020**

Tháng 04 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG  
KỸ THUẬT TP.HCM**  
Tầng 20, tòa nhà Sun Wah  
115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM  
ĐT: 028.9141 904 Fax: 028.9141 910

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 334/2020/CV-CII

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2020

V/v: giải trình tăng/ giảm kết quả hoạt động  
kinh doanh hợp nhất quý 1/2020 so với cùng  
kỳ năm trước

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) thông báo kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh hợp nhất quý 1 năm 2020 của Công ty CII như sau:

Lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2020 của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất đạt 246 tỷ đồng, tăng 251,5 tỷ đồng so với số cùng kỳ năm trước chủ yếu là do lợi nhuận từ hoạt động tài chính tăng mạnh do lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính, trong quý 1 năm 2019 không có phát sinh khoản lãi này.

Chi tiết về báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2020 vui lòng xem tại website: [www.cii.com.vn](http://www.cii.com.vn).

Trân trọng.

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP. P.TC-KT



**LÊ QUỐC BÌNH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ 1 NĂM 2020**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>12.739.015.793.801</b>	<b>11.187.671.114.708</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.932.202.532.613</b>	<b>636.526.058.521</b>
1. Tiền	111		1.859.990.371.596	513.894.949.937
2. Các khoản tương đương tiền	112		72.212.161.017	122.631.108.584
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>743.948.434.358</b>	<b>813.428.434.358</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.14.a	615.576.040.000	615.576.040.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.14.d	128.372.394.358	197.852.394.358
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.763.462.465.028</b>	<b>3.572.279.751.558</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	761.154.555.283	1.026.596.905.794
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.a	1.017.142.045.990	932.489.082.787
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.a	1.073.077.707.665	783.775.617.875
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	961.488.983.289	878.820.618.719
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(50.433.139.870)	(50.434.786.288)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.032.312.671	1.032.312.671
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>6.066.608.838.137</b>	<b>5.941.090.828.571</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.066.608.838.137	5.941.090.828.571
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>232.793.523.665</b>	<b>224.346.041.700</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.a	12.979.042.971	5.724.358.946
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		204.286.799.820	203.324.712.766
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19.a	15.527.680.874	15.296.969.988



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
 Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2020	01/01/2020
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>18.440.653.058.671</b>	<b>18.061.456.822.409</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.326.469.164.305</b>	<b>2.993.696.422.540</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.3.b	31.573.430.321	29.656.710.321
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4.b	1.681.705.250.000	1.472.705.250.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.b	1.613.190.483.984	1.491.334.462.219
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.605.737.018.533</b>	<b>5.831.548.627.461</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.212.022.989.257	2.370.891.610.687
- Nguyên giá	222		2.915.676.043.344	3.059.008.594.927
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(703.653.054.087)	(688.116.984.240)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	1.722.943.758	1.795.833.354
- Nguyên giá	225		2.040.909.091	2.040.909.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(317.965.333)	(245.075.737)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.391.991.085.518	3.458.861.183.420
- Nguyên giá	228		6.004.243.199.830	6.006.217.156.837
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.612.252.114.312)	(2.547.355.973.417)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.12</b>	<b>282.504.136.066</b>	<b>284.160.409.339</b>
- Nguyên giá	231		326.174.689.756	326.174.689.756
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(43.670.553.690)	(42.014.280.417)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.041.437.913.309</b>	<b>4.935.006.914.900</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	5.041.437.913.309	4.935.006.914.900
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.14</b>	<b>1.623.653.220.239</b>	<b>1.508.445.281.228</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	252	V.14.b	939.083.643.164	1.139.287.176.228
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14.c	683.059.577.075	367.648.105.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.14.c	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.14.d	3.510.000.000	3.510.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.560.851.606.219</b>	<b>2.508.599.166.941</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.b	785.838.556.193	696.016.304.793
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15.a	239.514.818.648	224.097.668.194
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		9.708.098.048	3.042.304.622
4. Lợi thế thương mại	269	V.16	1.525.790.133.330	1.585.442.889.332
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>31.179.668.852.472</b>	<b>29.249.127.937.117</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
 Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị: VND

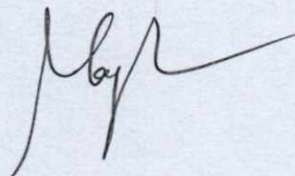
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2020	01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>22.267.874.338.454</b>	<b>20.543.022.273.089</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.776.289.410.099</b>	<b>11.472.174.859.109</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	469.489.892.320	650.921.846.115
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	1.907.775.162.942	1.748.987.965.651
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19.b	264.564.014.081	192.726.928.318
4. Phải trả người lao động	314		18.480.736.971	41.189.705.423
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	203.475.094.882	233.403.987.980
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		131.224.037	61.678.583
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21.a	3.618.050.116.296	3.506.175.733.556
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22.a	4.273.564.958.909	5.057.214.178.862
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.758.209.661	41.492.834.621
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.491.584.928.355</b>	<b>9.070.847.413.980</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.21.b	69.218.494.190	114.635.557.011
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22.b	11.256.113.798.681	8.794.214.450.136
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.15.b	156.252.635.484	151.997.406.833
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		10.000.000.000	10.000.000.000



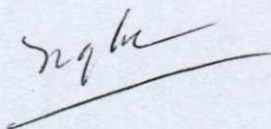
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
 Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2020	01/01/2020
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>8.911.794.514.018</b>	<b>8.706.105.664.028</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.23</b>	<b>8.911.794.514.018</b>	<b>8.706.105.664.028</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.831.681.520.000	2.831.681.520.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.831.681.520.000	2.831.681.520.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		424.573.109.416	424.576.430.045
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.660.084.447	6.660.084.447
4. Cổ phiếu quỹ	415		(851.997.873.500)	(851.997.873.500)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		228.332.974.388	228.332.974.388
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.738.912.413.597	2.491.193.381.827
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.492.200.050.261	2.250.190.657.920
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		246.712.363.336	241.002.723.907
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.533.632.285.670	3.575.659.146.821
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>31.179.668.852.472</b>	<b>29.249.127.937.117</b>



Mai Thị Thu Phương  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Mai Hương  
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 04 năm 2020



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Quý 1 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I		LŨY KẾ TỪ 01/01 ĐẾN 31/03	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.1	490.961.037.995	578.087.339.995	490.961.037.995	578.087.339.995
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.1	18.939.309.404	5.237.361.852	18.939.309.404	5.237.361.852
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>V.1</b>	<b>472.021.728.591</b>	<b>572.849.978.143</b>	<b>472.021.728.591</b>	<b>572.849.978.143</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	V.2	288.180.891.239	403.257.077.295	288.180.891.239	403.257.077.295
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>183.840.837.352</b>	<b>169.592.900.848</b>	<b>183.840.837.352</b>	<b>169.592.900.848</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.3	575.075.939.802	134.610.076.561	575.075.939.802	134.610.076.561
7. Chi phí tài chính	22	V.4	251.761.943.081	157.550.079.518	251.761.943.081	157.550.079.518
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		228.400.999.259	156.832.597.752	228.400.999.259	156.832.597.752
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		(10.660.454.172)	(2.037.573.461)	(10.660.454.172)	(2.037.573.461)
9. Chi phí bán hàng	25	V.5	8.240.825.799	8.574.608.725	8.240.825.799	8.574.608.725
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.6	123.125.928.272	113.555.657.601	123.125.928.272	113.555.657.601
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>365.127.625.830</b>	<b>22.485.058.104</b>	<b>365.127.625.830</b>	<b>22.485.058.104</b>



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Quý 1 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I		LŨY KẾ TỪ 01/01 ĐẾN 31/03	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
12. Thu nhập khác	31	V.7	5.072.582.488	5.276.472.971	5.072.582.488	51.276.472.971
13. Chi phí khác	32	V.8	36.136.588.526	1.288.943.270	36.136.588.526	1.288.943.270
<b>14. Lợi nhuận/(lỗ) khác</b>	<b>40</b>		<b>(31.064.006.038)</b>	<b>49.987.529.701</b>	<b>(31.064.006.038)</b>	<b>49.987.529.701</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>334.063.619.792</b>	<b>72.472.587.805</b>	<b>334.063.619.792</b>	<b>72.472.587.805</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.9	70.398.421.747	31.058.515.479	70.398.421.747	31.058.515.479
17. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.15.b	(11.161.921.803)	1.680.637.869	(11.161.921.803)	1.680.637.869
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>274.827.119.848</b>	<b>39.733.434.457</b>	<b>274.827.119.848</b>	<b>39.733.434.457</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		245.958.828.068	(5.510.236.774)	245.958.828.068	(5.510.236.774)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		28.868.291.780	45.243.671.231	28.868.291.780	45.243.671.231
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>V.10</b>	<b>992</b>	<b>(22)</b>	<b>992</b>	<b>(22)</b>
<b>22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>V.11</b>	<b>-</b>	<b>(10)</b>	<b>-</b>	<b>(10)</b>



*Mai Thị Thu Phương*

**Mai Thị Thu Phương**  
Người lập biểu

*Nguyễn Thị Mai Hương*

**Nguyễn Thị Mai Hương**  
Kế toán trưởng

**Lê Quốc Bình**  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 04 năm 2020



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Quý 1 năm 2020

Đơn vị: VND

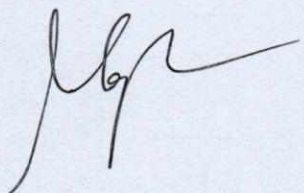
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
		đến 31/03/2020	đến 31/03/2019
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	334.063.619.792	72.472.587.805
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	153.450.665.282	144.110.413.433
Các khoản dự phòng	03	(1.646.418)	(270.222.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(488.192.533.105)	(77.310.426.106)
Chi phí lãi vay	06	242.867.924.456	157.514.415.934
Các khoản điều chỉnh khác	07	(70.261.265.286)	(102.024.814.420)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	171.926.764.721	194.491.954.646
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(112.452.906.402)	85.236.075.279
Tăng hàng tồn kho	10	(87.618.199.538)	(80.511.357.139)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	97.407.963.258	363.542.888.857
Tăng chi phí trả trước	12	(61.635.804.501)	(44.110.189.253)
Tiền lãi vay đã trả	14	(365.369.950.883)	(238.409.995.316)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.853.834.518)	(41.052.198.683)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(365.595.967.863)</b>	<b>239.187.178.391</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(158.496.944.830)	(162.019.102.171)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(514.094.021.839)	(796.805.095.271)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	27.232.932.276	541.773.360.501
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.172.457.488.692)	(591.153.673.877)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.648.700.722.166	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.580.861.609	69.882.391.982
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(138.533.939.310)</b>	<b>(938.322.118.836)</b>



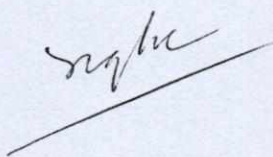
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý 1 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
		đến 31/03/2020	đến 31/03/2019
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	103.157.600	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.925.304.605.112	2.262.812.798.438
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.125.556.177.628)	(1.695.138.097.490)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(43.919.546)	(209.869.262)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.284.273)	(17.720.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.799.806.381.265</b>	<b>567.447.111.686</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>1.295.676.474.092</b>	<b>(131.687.828.759)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>636.526.058.521</b>	<b>483.045.005.565</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> (70 = 50 + 60)	<b>70</b>	<b>1.932.202.532.613</b>	<b>351.357.176.806</b>



Mai Thị Thu Phương  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Mai Hương  
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 04 năm 2020



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2020

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001 và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 2.831.681.520.000 VND, chia thành 283.168.152 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 20, tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty: Ho Chi Minh City Infrastructure Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CII.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; thực hiện thu phí giao thông đường bộ; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thực hiện thu phí giao thông đường bộ; đầu tư và quản lý các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ có liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Vào ngày 2 tháng 1 năm 2020, CII đã hoàn tất việc mua lại 79,98% phần vốn trong TTRVP từ SAL và ngay sau đó, thực hiện chuyển nhượng 80% vốn góp trong TTRVP cho CG. Giao dịch chuyển nhượng này đã hoàn tất vào ngày 3 tháng 1 năm 2020.

Ngày 6 tháng 1 năm 2020, Công ty đã hoàn tất giao dịch mua lại trước hạn 400 trái phiếu với tổng mệnh giá 40 triệu USD phát hành cho Rhinos Vietnam Convertible Bond Private Investment Fund No. 1 và thanh toán đầy đủ các khoản nợ của trái phiếu này theo thỏa thuận với nhà đầu tư với tổng giá trị là 42.663.440 USD.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, Công ty đã phát hành thành công 2000 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ. Đây là các trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền với kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày phát hành. Lãi suất trái phiếu là 11%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ có liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Ngày 20 tháng 3 năm 2020, Công ty SII - công ty con của Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 80.000 cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê, giảm tỷ lệ sở hữu từ 51% còn 49%. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê trở thành công ty liên kết kể từ ngày này.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào các công ty sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Các công ty con</b>				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R)	Tp. Hồ Chí Minh	54,46%	54,46%	Đầu tư vào các dự án cầu đường
2. Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư vào dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới Thủ Thiêm theo hợp đồng B.T; kinh doanh bất động sản
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil (VPIL)	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật
4. Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (SII)	Tp. Hồ Chí Minh	50,61%	50,61%	Kinh doanh hạ tầng nước môi trường
5. Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh bất động sản
6. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)	Tp. Hồ Chí Minh	68,27%	68,27%	Thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật
7. Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia (Lu Gia Land)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cho thuê văn phòng
8. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Tp. Hồ Chí Minh	98,85%	98,85%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T Cầu Bình Triệu
9. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ thu phí giao thông, dịch vụ hạ tầng
10. Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	Tp. Hồ Chí Minh	95,00%	95,00%	Kinh doanh bất động sản
11. Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB)	Tp. Hồ Chí Minh	71,01%	71,01%	Đầu tư và kinh doanh bất động sản
12. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội (HNHC) (i)	Tp. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội

(i) Công ty nắm giữ trực tiếp 49% quyền biểu quyết và nắm giữ gián tiếp 51% thông qua Công ty CII B&R.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

Ngoài các công ty đang đầu tư trực tiếp, Công ty cũng thực hiện đầu tư gián tiếp vào các công ty khác thông qua các công ty con như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua CII B&amp;R</b>				
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn (SGBC)	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội (HNHC)	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (Ninh Thuan Invest JSC)	Tp. Hồ Chí Minh & Tỉnh Ninh Thuận	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
4. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận (BOT Ninh Thuận)	Tp. Hồ Chí Minh & Tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	Đầu tư xây dựng và thu phí giao thông hoàn vốn cho dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường
6. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Tp. Hồ Chí Minh	50,53%	50,53%	Đầu tư xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
7. Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu (BOTRM)	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (VRG)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
<b>Công ty liên doanh</b>				
1. Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua SII</b>				
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro (Enviro)	Tp. Hồ Chí Minh	85%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Tỉnh Lâm Đồng	90%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55%	55%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
6. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
<b>Công ty liên kết</b>				
1. Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	49%	49%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
<b>Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua CII E&amp;C</b>				
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN)	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây dựng CII E&C (CII E&C-BM)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
<b>Công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII</b>				
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty TNHH Dịch vụ MCSC (MCSC)	Tỉnh Bình Dương	55%	55%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông đường bộ



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
-------------	----------------------------	-------------------	----------------------------	-----------------

**Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bày Bảy****Công ty con**

1. Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Tp. Hồ Chí Minh	95,00%	95,00%	Kinh doanh nhà và bất động sản
2. Công ty TNHH Hương Trà	Tỉnh Quảng Ngãi	99,00%	99,00%	Quản lý điều hành và kinh doanh Mỏ nước khoáng Trà Bồng

**Công ty liên kết**

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	49,00%	49,00%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
2. Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Tỉnh Quảng Nam	49,00%	49,00%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Lợi thế thương mại** (tiếp theo)

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ**

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập cho mỗi loại chứng khoán khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán tại ngày lập báo cáo tài chính.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi các khoản đầu tư này có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	8

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, giá trị quyền sử dụng đất, quyền khai thác khoáng sản và phần mềm máy tính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao** (tiếp theo)

Quyền thu phí giao thông có được từ các hợp đồng B.O.T ký giữa Công ty và các cơ quan đại diện của Nhà nước được ghi nhận theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo phương pháp tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng năm và tổng doanh thu ước tính.

Quyền thu phí giao thông mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của quyền thu phí giao thông tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu phí giao thông còn lại kể từ thời điểm hợp nhất kinh doanh của dự án.

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Quyền khai thác các loại khoáng sản mà Công ty có được từ việc mua công ty con được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của tài sản được ghi nhận theo giá trị hợp lý của số tiền mà công ty con phải nộp cho UBND địa phương để có được quyền khai thác trong suốt thời gian được phép khai thác. Quyền khai thác khoáng sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian mà Công ty được quyền khai thác.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 5 đến 10 năm.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, trung tâm thương mại và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư là trung tâm thương mại và các vật kiến trúc khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

	Số năm
Trung tâm thương mại	30
Hồ bơi và sân quần vợt	10 - 30

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất dài hạn không trích khấu hao theo quy định hiện hành. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Bất động sản đầu tư** (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T chờ phân bổ, các chi phí khai thác khoáng sản không được vốn hóa vào giá trị tài sản cố định vô hình, chi phí nhà mẩu và môi giới của các dự án kinh doanh bất động sản và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay của các dự án B.O.T là chi phí của các khoản vay trực tiếp đầu tư vào dự án nhưng không đủ điều kiện vốn hóa vào nguyên giá tài sản hoặc phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ doanh thu thu phí khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động đối với các dự án Công ty làm chủ đầu tư hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Các chi phí khai thác khoáng sản không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng mỏ và chi phí đền bù, xây dựng mỏ;
- Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá;
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho UBND địa phương nơi khai thác.

**Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng và chi phí đền bù, xây dựng mỏ**

Các khoản chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng, đền bù và xây dựng cơ sở hạ tầng cho mỏ được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước dài hạn dựa theo các chi phí thực tế phát sinh. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép khai thác mỏ.

**Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá**

Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá được ghi nhận là chi phí trả trước khi Công ty có thể tiếp cận được lớp đá mới để khai thác. Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và chi phí phát sinh có thể được tính toán một cách đáng tin cậy. Chi phí này được phân bổ theo tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế hàng năm so với tổng trữ lượng ước tính của mỏ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Quý 1 năm 2020

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Các khoản trả trước (tiếp theo)***Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản*

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác nhân với đơn giá do UBND tỉnh nơi có mỏ khai thác công bố theo Nghị định số 2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ theo thời gian được khai thác mỏ.

Chi phí môi giới, chi phí nhà mẫu của các dự án kinh doanh bất động sản được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ vào kết quả kinh doanh theo tỷ lệ doanh thu của các dự án khi Công ty bán giao nhà cho khách hàng.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí in vé cầu đường, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Trái phiếu phát hành**

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.



**THUYẾT MINH BÁC CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Trái phiếu phát hành (tiếp theo)**

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

**Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí đi vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí đi vay phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phân ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu.

Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu, là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ*

Doanh thu từ hoạt động thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé cầu đường dưới các hình thức theo mức quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

*Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T và B.T*

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T và B.T (tiếp theo)

Lãi vốn chủ của các dự án B.T được ghi nhận khi khoản lãi này được xác định một cách chắc chắn với cơ quan chủ quản tiếp nhận công trình. Khoản lãi này được tính dựa trên tỷ lệ lãi vốn chủ được quy định cụ thể trên từng hợp đồng B.T trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án.

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư

Doanh thu từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư được xác định là giá trị ghi trên hợp đồng chuyển nhượng. Thu nhập này được ghi nhận vào thu nhập khác trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 53. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các Khoản Mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các Khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài Khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các Khoản Mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh điện năng, xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	21.087.565.375	7.755.262.235
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.838.902.806.221	506.139.687.702
Các khoản tương đương tiền	72.212.161.017	122.631.108.584
<b>Cộng</b>	<b>1.932.202.532.613</b>	<b>636.526.058.521</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị các khoản tiền gửi ngân hàng với thời hạn gốc dưới 3 tháng.

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/03/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng mua căn hộ, đất nền	487.462.951.793	490.401.412.974
Shining Armor Limited	-	242.409.601.492
Phải thu khách hàng khác	273.691.603.490	293.785.891.328
<b>Cộng</b>	<b>761.154.555.283</b>	<b>1.026.596.905.794</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán**

	31/03/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
<b>Trả trước cho các nhà thầu thi công các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng theo hình thức B.O.T, B.T:</b>	<b>390.283.433.252</b>	<b>336.412.068.342</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	190.002.765.082	190.002.765.082
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Mỏ Cây Nam	54.923.544.300	54.923.544.300
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 - COFICO	48.928.000.000	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Mỏ Cây Bắc	45.900.425.184	45.626.195.184
Các nhà thầu khác	50.528.698.686	45.859.563.776
<b>Trả trước tiền mua khoản đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>5.820.497.512</b>	<b>5.820.497.512</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Nước Giải khát Khánh An	5.820.497.512	5.820.497.512
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>621.038.115.226</b>	<b>590.256.516.933</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân Dụng E&C	217.875.985.995	133.995.097.337
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa ốc (i)	197.997.045.050	196.497.045.050
Các đối tượng khác	205.165.084.181	259.764.374.546
<b>Cộng</b>	<b>1.017.142.045.990</b>	<b>932.489.082.787</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Nam Thịnh	16.875.052.171	16.875.052.171
Các đối tượng khác	14.698.378.150	12.781.658.150
<b>Cộng</b>	<b>31.573.430.321</b>	<b>29.656.710.321</b>

(i) Khoản trả trước để thực hiện môi giới bán căn hộ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay**

	31/03/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành	531.177.075.882	324.471.670.494
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An (i)	195.124.831.282	190.104.723.313
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương Mại 592	111.099.992.222	67.799.992.222
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	44.105.177.434	44.105.177.434
Các đối tượng khác	191.570.630.845	157.294.054.412
<b>Cộng</b>	<b>1.073.077.707.665</b>	<b>783.775.617.875</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Các bên liên quan (*)	1.135.280.000.000	926.280.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (ii)	531.425.250.000	531.425.250.000
Các đối tượng khác	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.681.705.250.000</b>	<b>1.472.705.250.000</b>
<b>(*) Chi tiết phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận (iii)	1.135.280.000.000	926.280.000.000

**Thông tin bổ sung cho các khoản cho vay trong yếu tố tại ngày 31 tháng 3 năm 2020:**

- (i) Khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An vay để bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2018. Bên đi vay cam kết ngay khi nhận được các khoản phân chia từ Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu hoặc ngay khi thu xếp được tài chính sẽ thực hiện hoàn trả nợ vay cho Công ty. Lãi suất cho vay trong kỳ là 10,5%/năm. Khoản cho vay được đảm bảo bằng phần vốn của bên đi vay trong Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu.
- (ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc vay dài hạn bao gồm:
- Khoản cho vay theo hợp đồng đã ký ngày 24 tháng 4 năm 2015 để đầu tư vào các dự án đang thực hiện và đã được gia hạn thanh toán đến ngày 30 tháng 6 năm 2021. Lãi suất áp dụng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm. Số dư cuối kỳ của khoản cho vay là 231.425.250.000 VND.
  - Khoản cho vay theo hợp đồng ký ngày 9 tháng 1 năm 2017 với số tiền cho vay là 300 tỷ VND, thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân và đã được gia hạn thanh toán đến ngày 30 tháng 6 năm 2021. Lãi suất cho vay là 0,8%/tháng, được thanh toán vào ngày đáo hạn khoản cho vay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay** (tiếp theo)

Các khoản phải thu về cho vay đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Tuấn Lộc ("Tuấn Lộc") để Tuấn Lộc góp vốn vào Công ty BOT Trung Lương Mỹ Thuận - Doanh nghiệp dự án và đảm bảo bằng chính cổ phần mà công ty này sở hữu trong Doanh nghiệp dự án. Theo thỏa thuận, khi dự án hoàn thành đưa vào thu phí thì Tuấn Lộc sẽ chính thức chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Những năm qua do nhiều yếu tố khách quan dẫn đến dự án BOT Trung Lương Mỹ Thuận gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai. Tuy nhiên, vào ngày 4 tháng 12 năm 2019, dự án đã chính thức được giải ngân số tiền 1.390 tỷ VND vốn Ngân sách Nhà nước. Doanh nghiệp dự án đang đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo mục tiêu hoàn thành dự án vào quý II năm 2021, điều chỉnh một số hạng mục đảm bảo thông tuyến vào cuối năm 2020. Với thỏa thuận hưởng lợi nhuận trên tỷ suất cố định của hợp đồng BOT thì nhà đầu tư không bị tổn thất giá trị. Bên cạnh đó, theo hợp đồng đã ký kết thì Công ty là người nắm giữ quyền, khi dự án hoàn thành thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuấn Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng khoản đầu tư trên có hiệu quả và chắc chắn sẽ bảo toàn vốn đầu tư.

- (iii) Khoản cho Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận vay theo hợp đồng ký ngày 20 tháng 12 năm 2017 để đầu tư vào dự án đang thực hiện. Thời hạn của hợp đồng là 11 năm. Lãi suất cho vay được áp dụng trong năm là 10,5%/năm.

**5. Phải thu khác**

	31/03/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn</b>		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công, ban quản lý dự án các công trình xây dựng	212.765.667.347	205.776.041.923
Tạm ứng lợi nhuận cho các nhà đầu tư tham gia đầu tư dự án	129.132.156.535	108.432.156.767
Phải thu người lao động	126.418.032.713	65.388.324.286
Tạm ứng tiền bồi thường do hỏa hoạn (xem thêm tại thuyết minh số VII.2)	104.160.750.348	103.933.950.348
Lãi trái phiếu, tiền gửi và cho vay	54.401.293.776	46.934.189.899
Đặt cọc, cầm cố, ký cược, ký quỹ	88.895.320.604	114.306.349.354
Tạm ứng tiền đền bù	48.605.796.448	47.681.156.352
Phải thu các khoản phạt vi phạm hợp đồng	30.000.000.000	30.000.000.000
Các khoản vốn góp theo hợp đồng BCC	21.963.695.339	21.963.695.339
Lãi vốn chủ của các dự án B.O.T (i)	20.499.760.615	20.499.760.615
Cổ tức và lợi nhuận được chia	9.451.983.645	9.451.983.645
Các khoản chi hộ	7.239.209.139	6.943.318.652
Các khoản phải thu khác	107.955.316.780	97.509.691.539
<b>Cộng</b>	<b>961.488.983.289</b>	<b>878.820.618.719</b>
<b>b. Phải thu dài hạn</b>		
Lãi vốn chủ của các dự án B.O.T (i)	1.187.121.600.423	1.116.860.335.137
Lãi cho vay	359.192.691.258	307.647.934.779
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	66.876.192.303	66.826.192.303
<b>Cộng</b>	<b>1.613.190.483.984</b>	<b>1.491.334.462.219</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**5. Phải thu khác** (tiếp theo)*Trong đó, phải thu các bên liên quan***Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận**

Lãi cho vay

159.353.191.451

123.633.568.541

*(i) Chi tiết số dư lãi bảo toàn vốn chủ của các dự án B.O.T như sau:*

	31/03/2020	01/01/2020
	VND	VND
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	1.122.825.420.154	1.047.439.214.714
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	55.256.387.980	59.992.649.806
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	29.539.552.904	29.928.231.232
	<b>1.207.621.361.038</b>	<b>1.137.360.095.752</b>
Trừ: Giá trị sẽ giảm trừ vào doanh thu thu phí giao thông trong 12 tháng tới	(20.499.760.615)	(20.499.760.615)
<b>Giá trị còn được giảm trừ sau 12 tháng tới</b>	<b>1.187.121.600.423</b>	<b>1.116.860.335.137</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/03/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	35.397.086.170	7.486.052.627	(27.911.033.543)	52.255.477.271	24.342.797.310	(27.912.679.961)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	807.442.437	60.498.669	(746.943.768)	807.442.437	60.498.669	(746.943.768)
Phải thu ngắn hạn khác	51.665.943.594	29.890.781.035	(21.775.162.559)	51.665.943.594	29.890.781.035	(21.775.162.559)
<b>Cộng</b>	<b>87.870.472.201</b>	<b>37.437.332.331</b>	<b>(50.433.139.870)</b>	<b>104.728.863.302</b>	<b>54.294.077.014</b>	<b>(50.434.786.288)</b>

**7. Hàng tồn kho**

	31/03/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	29.450.566.630	-	36.584.137.942	-
Công cụ, dụng cụ	1.220.618.801	-	1.568.578.973	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.946.888.390.742	-	5.816.744.101.750	-
<i>Bất động sản dở dang (i)</i>	5.252.842.204.633	-	4.943.381.259.175	-
<i>Chi phí thi công các công trình xây dựng</i>	570.581.191.667	-	757.593.263.845	-
<i>Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang</i>	47.923.038.540	-	40.227.622.828	-
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác</i>	75.541.955.902	-	75.541.955.902	-
Hàng hóa bất động sản	53.768.634.069	-	53.768.634.069	-
Thành phẩm	14.747.331.334	-	13.723.011.739	-
Hàng hóa	20.533.296.561	-	18.702.364.098	-
<b>Cộng</b>	<b>6.066.608.838.137</b>	-	<b>5.941.090.828.571</b>	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho** (tiếp theo)

(i) Bất động sản dở dang bao gồm chi phí đầu tư và phát triển của các dự án sau:

	31/03/2020	01/01/2020
	VND	VND
Dự án khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside	1.734.563.449.341	1.633.326.270.729
Dự án khu căn hộ cao tầng NBB Garden II	710.109.249.998	710.634.295.947
Dự án khu nhà ở chung cư tại lô 3.15	790.957.081.816	781.817.784.386
Dự án khu căn hộ cao tầng NBB Garden III	731.103.791.519	698.938.941.118
Dự án khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	570.206.015.963	580.979.136.733
Dự án khu biệt thự Đồi Thủy Sản - Quảng Ninh	263.954.202.723	290.774.076.020
Dự án Cao ốc 152 Điện Biên Phủ	193.265.464.422	-
Dự án khu du lịch De - Lagi	166.197.705.270	161.472.278.641
Các dự án khác	92.485.243.581	85.438.475.601
<b>Cộng</b>	<b>5.252.842.204.633</b>	<b>4.943.381.259.175</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước**

	31/03/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phí bảo lãnh cho các dự án đang thực hiện	5.222.613.832	-
Phí cam kết rút vốn	2.500.000.000	-
Công cụ, dụng cụ, vật tư xuất dùng	665.514.693	1.538.743.940
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	88.996.568	177.308.235
Chi phí khác chờ phân bổ	4.501.917.878	4.008.306.771
<b>Cộng</b>	<b>12.979.042.971</b>	<b>5.724.358.946</b>

**b. Dài hạn**

Chi phí lãi vay liên quan đến các dự án BOT chờ phân bổ (i)	539.183.897.244	500.039.288.928
Chi phí môi giới, nhà mẩu chờ phân bổ (ii)	106.330.493.834	106.330.493.834
Trả trước cho đối tác hợp tác kinh doanh theo hợp đồng BCC	62.630.829.015	-
Chi phí trùng tu cầu đường	19.943.901.727	24.189.669.356
Chi phí thi công, lắp đặt đường ống, đồng hồ	13.207.779.523	14.583.243.385
Chi phí đền bù và trùng tu mỏ đá	11.000.648.318	11.000.648.318
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, cải tạo văn phòng	3.827.568.793	6.500.012.683
Công cụ, dụng cụ, vật tư xuất dùng	1.476.467.411	1.831.537.320
Chi phí đầu tư đường công vụ phục vụ dự án	1.331.556.250	8.128.279.265
Chi phí khác chờ phân bổ	26.905.414.078	23.413.131.704
<b>Cộng</b>	<b>785.838.556.193</b>	<b>696.016.304.793</b>

**(i) Chi tiết lãi vay của các dự án B.O.T:**

Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	321.764.253.390	293.570.283.268
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm	91.681.711.693	96.461.225.566
Dự án cầu Cổ Chiên	112.169.004.708	96.438.852.641
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	13.568.927.453	13.568.927.453
<b>Cộng</b>	<b>539.183.897.244</b>	<b>500.039.288.928</b>

(i) Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm là 10%; Dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 là 20% và dự án cầu Cổ Chiên là 11%. Tỷ lệ phân bổ của dự án Xa Lộ Hà Nội sẽ được xác định khi dự án chính thức được thu phí hoàn vốn đầu tư.

(ii) Số dư thể hiện chi phí môi giới và nhà mẩu của dự án khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside và dự án khu căn hộ cao tầng NBB Garden III.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>479.222.436.395</b>	<b>309.795.587.430</b>	<b>2.259.640.805.021</b>	<b>10.349.766.081</b>	<b>3.059.008.594.927</b>
Mua trong kỳ	-	532.376.250	2.758.056.250	424.237.182	3.714.669.682
Đầu tư XDCB hoàn thành	76.271.818	-	2.884.817.609	-	2.961.089.427
Giảm do thanh lý công ty con	(18.004.968.072)	(31.287.733.355)	(97.447.928.649)	(360.994.253)	(147.101.624.329)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.906.686.363)	-	(2.906.686.363)
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>461.293.740.141</b>	<b>279.040.230.325</b>	<b>2.164.929.063.868</b>	<b>10.413.009.010</b>	<b>2.915.676.043.344</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>130.857.488.153</b>	<b>179.324.097.700</b>	<b>370.531.083.248</b>	<b>7.404.315.139</b>	<b>688.116.984.240</b>
Khấu hao trong kỳ	4.475.373.014	3.327.614.885	18.909.311.095	286.539.796	26.998.838.790
Giảm do thanh lý công ty con	(1.104.475.742)	(3.280.675.573)	(4.971.578.920)	(36.099.430)	(9.392.829.665)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.069.939.278)	-	(2.069.939.278)
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>134.228.385.425</b>	<b>179.371.037.012</b>	<b>382.398.876.145</b>	<b>7.654.755.505</b>	<b>703.653.054.087</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>348.364.948.242</b>	<b>130.471.489.730</b>	<b>1.889.109.721.773</b>	<b>2.945.450.942</b>	<b>2.370.891.610.687</b>
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>327.065.354.716</b>	<b>99.669.193.313</b>	<b>1.782.530.187.723</b>	<b>2.758.253.505</b>	<b>2.212.022.989.257</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**10. Tài sản thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2020	2.040.909.091
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>2.040.909.091</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2020	245.075.737
Khấu hao trong kỳ	72.889.596
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>317.965.333</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2020	1.795.833.354
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>1.722.943.758</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2020	5.986.708.072.381	8.827.304.746	10.681.779.710	6.006.217.156.837
Giảm do thanh lý công ty con	-	(1.208.351.000)	(725.364.000)	(1.933.715.000)
Điều chỉnh giảm giá trị quyền thu phí	(40.242.007)	-	-	(40.242.007)
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>5.986.667.830.374</b>	<b>7.618.953.746</b>	<b>9.956.415.710</b>	<b>6.004.243.199.830</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2020	2.542.936.303.740	160.608.505	4.259.061.172	2.547.355.973.417
Khấu hao trong kỳ	64.745.999.168	-	323.908.453	65.069.907.621
Giảm do thanh lý công ty con	-	(37.760.976)	(136.005.750)	(173.766.726)
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>2.607.682.302.908</b>	<b>122.847.529</b>	<b>4.446.963.875</b>	<b>2.612.252.114.312</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2020	3.443.771.768.641	8.666.696.241	6.422.718.538	3.458.861.183.420
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>3.378.985.527.466</b>	<b>7.496.106.217</b>	<b>5.509.451.835</b>	<b>3.391.991.085.518</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

**Thông tin chi tiết về các dự án BOT đang được thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư như sau:**

**a. Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm**

Quyền thu phí để hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với nguyên giá là 581.138.260.482 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Việc thu phí hoàn vốn đã chính thức được thực hiện từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 30%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

Kể từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2017, Công ty chấm dứt thu phí hoàn vốn đầu tư dự án tại trạm Thành Hải, đồng thời bắt đầu thu phí hoàn vốn đầu tư dự án tại trạm thu phí Cà Ná song song với hoạt động thu phí hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính.

**b. Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm ghi nhận tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 là 1.643.818.467.146 VND. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu phí Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2017. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 10%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí.

**c. Quyền thu phí giao thông đường ĐT 741**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá là 672.113.302.847 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT 741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư từ ngày 1 tháng 9 năm 2011. Tỷ lệ khấu hao hiện nay là 7,77%.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 VND, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**d. Quyền thu phí giao thông cầu Rạch Miễu**

Công ty được phép thu phí giao thông cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án mở rộng Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Tiền Giang. Đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hùn hạp của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Nguyên giá của tài sản được ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra và được tính vào giá trị của dự án là 495.607.637.262 VND. Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 13 năm 5 tháng bao gồm cả 3 năm tạo lợi nhuận cho nhà đầu tư, dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 7 năm 2021. Công ty thực hiện khấu hao quyền thu phí này theo doanh thu với tỷ lệ hiện nay là 32%.

Tại ngày mua Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu - doanh nghiệp đầu tư và quản lý trực tiếp dự án này, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con theo phương pháp chiết khấu dòng tiền phát sinh trong tương lai từ hoạt động thu phí. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 290.719.123.179 VND. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp, theo quy định của pháp luật. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm đến ngày dự kiến kết thúc thời gian thu phí, phù hợp với thời gian phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất công ty con này.

**e. Quyền thu phí giao thông cầu Cổ Chiên**

Đây là quyền thu phí Công ty có được do mua Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên trong kỳ, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre. Nguyên giá của tài sản tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 là 752.730.633.886 VND, được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký với Bộ Giao thông Vận tải. Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2016. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 20% doanh thu thu phí của dự án.

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các quyền thu phí giao thông này để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu phát hành (*chi tiết xem tại Thuyết minh số 5.23*).

Ngoài các dự án nêu trên, tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 một số dự án đã kết thúc thời gian thu phí hoàn vốn, đã quyết toán dự án và đang chờ thanh lý hợp đồng BOT với cơ quan Nhà nước như sau:

**Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiểu mới**

Công ty được quyền thu phí giao thông tại trạm Xa lộ Hà Nội để hoàn vốn đã ứng xây dựng cầu Rạch Chiểu mới theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền quản lý, thu phí giao thông ngày 2 tháng 12 năm 2008 ký với UBND thành phố Hồ Chí Minh và các phụ lục. Công ty bắt đầu thực hiện thu phí từ 01/01/2013, ngày 1 tháng 6 năm 2013. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã ngưng thu phí và đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với UBND Thành phố Hồ Chí Minh để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T. Nguyên giá của tài sản đang chờ thanh lý là 1.058.840.204.896 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)*Dự án đầu tư xây dựng cầu Bình Triệu 2*

Công ty được quyền thu phí để hoàn vốn đầu tư dự án cầu đường Bình Triệu 2 (phần 1 - giai đoạn 2). Thời gian thu phí hoàn vốn đã kết thúc vào ngày 3 tháng 7 năm 2015. Công ty đang làm thủ tục quyết toán, thanh lý quyền thu phí với Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên giá của tài sản chờ thanh lý là 215.164.902.241 VND.

**12. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2020	59.065.774.758	267.108.914.998	326.174.689.756
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>59.065.774.758</b>	<b>267.108.914.998</b>	<b>326.174.689.756</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2020	839.830.635	41.174.449.782	42.014.280.417
Khấu hao trong kỳ	-	1.656.273.273	1.656.273.273
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>839.830.635</b>	<b>42.830.723.055</b>	<b>43.670.553.690</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2020	58.225.944.123	225.934.465.216	284.160.409.339
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>58.225.944.123</b>	<b>224.278.191.943</b>	<b>282.504.136.066</b>

Bất động sản đầu tư của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 bao gồm:

- Khu trung tâm thương mại từ tầng 1 đến tầng 3 hiện đang cho thuê, khu văn phòng cho thuê từ tầng 4 đến tầng 5 và khu tầng hầm thuộc Cao ốc 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản này đã được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng của Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia;
- Khu trung tâm thương mại và hệ thống hồ bơi, sân quần vợt cho thuê thuộc Chung cư Carina Plaza, 1648 Võ Văn Kiệt, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.
- Lô đất tại địa chỉ 29/3 đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh chờ định giá. Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm (đến hết ngày 19 tháng 1 năm 2056) theo Quyết định 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị quyền sử dụng đất này đã được được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, căn cứ vào giá trị thị trường của những tài sản tương đương và tỷ lệ cho thuê hiện tại, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản vào ngày kết thúc kỳ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/03/2020	01/01/2020
	VND	VND
Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội (i)	2.924.334.318.335	2.861.969.685.308
Dự án B.O.T Quốc lộ 60 (ii)	1.010.014.347.102	990.487.159.561
Dự án Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ theo hình thức B.O.T kết hợp B.T	388.380.540.624	379.498.576.294
Dự án xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới Thủ Thiêm (iii)	282.758.109.202	272.208.106.418
Giá trị quyền sử dụng đất nhận được từ hợp đồng B.T (iii)	269.300.842.756	269.300.842.756
Các dự án bất động sản được khai thác từ hợp đồng B.T trong khu đô thị mới Thủ Thiêm	116.942.097.966	111.935.823.501
Các dự án khác	49.707.657.324	49.606.721.062
<b>Cộng</b>	<b>5.041.437.913.309</b>	<b>4.935.006.914.900</b>

(i) Dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội được thực hiện theo hợp đồng B.O.T ký ngày 25 tháng 11 năm 2009 ký với Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh. Tổng mức đầu tư của dự án (không bao gồm lãi vay trong thời gian thi công, chi phí sử dụng vốn và thuế VAT) là 4.905.857.000.000 VND, trong đó cơ cấu giữa vốn chủ và vốn vay lần lượt là 20% và 80%. Công ty đã sử dụng toàn bộ quyền quản lý, thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội (nhằm hoàn vốn đầu tư Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội), quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội để thế chấp cho khoản vay như đã trình bày ở Thuyết minh số 5.23.

(ii) Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu và cầu Cổ Chiên, tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2) theo hình thức hợp đồng B.O.T được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Tổng mức đầu tư của dự án là 1.752.053.000.000 VND, trong đó cơ cấu giữa vốn chủ và vốn vay lần lượt là 30% và 70%. Thời gian thu phí hoàn vốn đầu tư ước tính khoảng 14 năm 8 tháng.

(iii) Đây là dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam trong khu đô thị mới Thủ Thiêm. Dự án này được Nhà nước thanh toán bằng hình thức giao đất trong khu đô thị mới Thủ Thiêm để Công ty đầu tư xây dựng các dự án khác nhằm phát triển mảng kinh doanh bất động sản.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**14. Các khoản đầu tư tài chính****a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/03/2020			31/01/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn RiverFront	615.576.040.000	-	800.041.071.388	615.576.040.000	-	800.041.071.388

Số dư thể hiện giá trị của 24.003.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn RiverFront được nắm giữ cho mục đích bán kiếm lời. Ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia, công ty con do CII sở hữu 100%, đã ký hợp đồng chuyển nhượng 24.002.700 cổ phiếu này cho Công ty Cổ phần City Garden. Cổ phiếu sẽ được chính thức chuyển nhượng cho bên mua khi các bên tham gia hợp đồng hoàn thành các điều kiện tiên quyết được quy định cụ thể trong hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng khung và các thỏa thuận khác đã ký kết giữa các bên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**14. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/03/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần BQT Trung Lương - Mỹ Thuận	780.711.343.314	621.292.830	-	780.517.609.067	621.292.830	-
Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	103.344.000.000	38.169.784.969	-	103.344.000.000	48.830.239.141	-
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	19.600.000.000	(15.301.913.139)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	7.364.156.882	-	-	7.364.156.882	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	4.579.636.245	(4.657.937)	-	4.579.636.245	(4.657.937)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thủ Thiêm River Park	-	-	-	194.034.900.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>915.599.136.441</b>	<b>23.484.506.723</b>	<b>-</b>	<b>1.089.840.302.194</b>	<b>49.446.874.034</b>	<b>-</b>
<b>Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ</b>			<b>939.083.643.164</b>		<b>1.139.287.176.228</b>	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**14. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)

Trong kỳ, giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thay đổi như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND
<b>Giá trị ghi nhận đầu kỳ</b>	<b>1.139.287.176.228</b>	<b>1.351.704.302.867</b>
<b>Thay đổi trong kỳ</b>	<b>(200.203.533.064)</b>	<b>552.268.942.416</b>
Phần (lỗ)/lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	(10.660.454.172)	(2.037.573.461)
Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh của Công ty liên kết	15.139.545.828	(2.037.573.461)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(25.800.000.000)	-
Mua cổ phiếu/góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết	193.734.247	554.306.515.877
Tái cấu trúc, công ty con trở thành công ty liên kết	4.298.086.861	-
Tái cấu trúc, công ty liên kết trở thành đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(194.034.900.000)	-
<b>Giá trị ghi nhận cuối kỳ</b>	<b>939.083.643.164</b>	<b>1.903.973.245.283</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**14. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/03/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thủ Thiêm River Park	315.411.472.075	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn RiverFront	187.793.610.000	-	-	187.793.610.000	-	-
Cổ phiếu Công ty BOO Nước Thủ Đức	143.153.395.000	-	-	143.153.395.000	-	-
Công ty BOT Cầu Phú Mỹ	29.700.000.000	-	-	29.700.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	-	-
Công ty CP Công nghiệp NBB	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty TNHH Thanh Sơn Số Bốn Việt Nam	1.100.000	-	-	1.100.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>683.059.577.075</b>	<b>(2.000.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>367.648.105.000</b>	<b>(2.000.000.000)</b>	<b>-</b>

Giá trị hợp lý của các công ty không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**4. Các khoản đầu tư tài chính:** (tiếp theo)**d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2020		01/01/2020	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	128.372.394.358	128.372.394.358	130.372.394.358	130.372.394.358
Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chờ bán	-	-	80.976.000.000	67.480.000.000
<b>Cộng</b>	<b>128.372.394.358</b>	<b>128.372.394.358</b>	<b>211.348.394.358</b>	<b>197.852.394.358</b>
<b>b. Dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	3.510.000.000	3.510.000.000	3.510.000.000	3.510.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**15. Thuế thu nhập hoãn lại**

	Lãi vốn chủ sở hữu dự án Đ.O.T (i) VND	Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua (ii) VND	Dự phòng đầu tư tài chính VND	Các khoản lãi/ (lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND	Cộng VND
<b>a. Tài sản thuế hoãn lại</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	-	-	-	<b>9.061.602.374</b>	<b>9.061.602.374</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(212.487.475.432)	-	-	(1.895.693.117)	(214.383.168.549)
Tăng do hợp nhất công ty con trong năm	-	-	-	(727.320.000)	(727.320.000)
Ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước	-	-	-	74.422.729	74.422.729
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>212.487.475.432</b>	-	-	<b>11.610.192.762</b>	<b>224.097.668.194</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(14.840.427.997)	-	-	(576.722.457)	(15.417.150.454)
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>227.327.903.429</b>	-	-	<b>12.186.915.219</b>	<b>239.514.818.648</b>
<b>b. Thuế hoãn lại phải trả</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	-	<b>113.429.975.232</b>	-	<b>1.299.357.792</b>	<b>114.729.333.024</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-	-	9.966.098.114	27.301.975.695	37.268.073.809
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	-	<b>113.429.975.232</b>	<b>9.966.098.114</b>	<b>28.601.333.487</b>	<b>151.997.406.833</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-	-	4.251.945.478	3.283.173	4.255.228.651
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	-	<b>113.429.975.232</b>	<b>14.218.043.592</b>	<b>28.604.616.660</b>	<b>156.252.635.484</b>
<b>Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</b>					<b>(11.161.921.803)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**15. Thuế thu nhập hoãn lại** (tiếp theo)

(i) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, khoản lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu của dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội với giá trị là 1.122.825.420.154 VND và dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với giá trị là 55.256.387.980 VND. Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, khoản lãi bảo toàn vốn chủ được ghi nhận trong giai đoạn đầu tư sẽ được giảm trừ vào doanh thu thu phí của dự án khi dự án đi vào hoạt động, đồng thời, Công ty phải kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lãi vốn chủ đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng thu phí giao thông để hoàn vốn dự án là hoàn toàn chắc chắn, do đó Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ đã tính nộp thuế lũy kế đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Đây là thuế thu nhập hoãn lại phát sinh do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty VRG và Công ty B.O.T RM tại ngày hợp nhất kinh doanh. Khoản thuế thu nhập hoãn lại này được ghi nhận theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi là 20% và được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua giá rẻ hoặc lợi thế thương mại khi hợp nhất kinh doanh mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản thuế thu nhập hoãn lại sẽ được hoàn nhập khi Công ty thanh lý tài sản.

**16. Lợi thế thương mại****Biến động của lợi thế thương mại trong kỳ**

	Giá trị ghi sổ VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2020	<u>2.571.469.443.106</u>
Tại ngày 31/03/2020	<u>2.571.469.443.106</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2020	986.026.553.774
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	59.652.756.002
Tại ngày 31/03/2020	<u>1.045.679.309.776</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2020	1.585.442.889.332
Tại ngày 31/03/2020	<u>1.525.790.133.330</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/03/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sài Gòn Xây dựng	66.480.060.911	66.480.060.911	80.011.767.766	80.011.767.766
Công ty Cổ phần XD Nền móng Long Giang	5.675.000.000	5.675.000.000	68.353.739.279	68.353.739.279
Các nhà cung cấp khác	397.334.831.409	397.334.831.409	502.556.339.070	502.556.339.070
<b>Cộng</b>	<b>469.489.892.320</b>	<b>469.489.892.320</b>	<b>650.921.846.115</b>	<b>650.921.846.115</b>

**18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/03/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nhận tiền trả trước theo tiến độ của khách hàng mua căn hộ và đất nền	1.569.754.373.004	1.375.237.744.785
Công ty Cổ Phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (i)	278.917.226.616	272.267.900.969
Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP trả trước tiền mua cổ phần	-	80.976.000.000
Các khách hàng khác	59.103.563.322	20.506.319.897
<b>Cộng</b>	<b>1.907.775.162.942</b>	<b>1.748.987.965.651</b>

*Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan*

Công ty Cổ Phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (i)	278.917.226.616	272.267.900.969
--	-----------------	-----------------

(i) Đây là số tiền Công ty nhận trước từ Công ty Cổ Phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận để thực hiện thi công dự án.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**19. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/03/2020 VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.382.562.557	-	863.000	1.383.425.557
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.961.050.675	76.253.887	-	12.884.796.788
Thuế thu nhập cá nhân	28.667.571	15.989.369	14.100.916	26.779.118
Các khoản khác	924.689.185	-	307.990.226	1.232.679.411
<b>Cộng</b>	<b>15.296.969.988</b>	<b>92.243.256</b>	<b>322.954.142</b>	<b>15.527.680.874</b>
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	11.860.404.594	31.784.865.791	21.831.237.812	21.814.032.573
Thuế thu nhập doanh nghiệp	148.932.548.093	71.945.060.014	7.853.834.518	213.023.773.589
Thuế thu nhập cá nhân	16.189.223.285	8.236.248.110	16.907.141.358	7.518.330.037
Thuế nhà thầu	9.049.381.577	13.104.038.461	5.701.672.700	16.451.747.338
Các khoản khác	6.695.370.769	4.423.064.102	5.362.304.327	5.756.130.544
<b>Cộng</b>	<b>192.726.928.318</b>	<b>129.493.276.478</b>	<b>57.656.190.715</b>	<b>264.564.014.081</b>

**20. Chi phí phải, trả ngắn hạn**

	31/03/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền sử dụng đất của Dự án City Gate Towers	120.000.000.000	120.000.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	52.154.611.945	61.440.960.469
Trích trước chi phí xây dựng bất động sản	14.690.072.896	24.500.779.656
Trích trước chi phí công trình xây lắp	9.991.308.509	19.590.836.615
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.639.101.532	7.871.411.240
<b>Cộng</b>	<b>203.475.094.882</b>	<b>233.403.987.980</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**21. Phải trả khác**

	31/03/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh	1.628.989.996.087	1.641.755.565.962
Tiền giữ chỗ nhận từ khách hàng	1.387.568.929.159	1.362.055.433.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	171.736.029.690	4.039.179.350
Chi phí mua lại trái phiếu	168.522.920.735	225.384.326.170
Lãi vay phải trả	117.649.827.461	139.333.603.622
Các khoản thu hộ	34.985.173.242	33.119.878.480
Phải trả chi phí duy tu trạm thu phí	26.869.293.140	26.869.293.140
Phải trả tiền đền bù thực hiện dự án	26.042.828.700	26.042.828.700
Kinh phí bảo trì chung cư	17.290.415.493	17.490.415.493
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.977.903.847	6.976.619.574
Bảo hiểm xã hội	1.361.410.080	636.129.597
Kinh phí công đoàn	356.391.458	273.765.977
Bảo hiểm y tế	161.741.288	44.064.728
Bảo hiểm thất nghiệp	67.636.253	399.638
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.469.619.663	22.154.229.525
<b>Cộng</b>	<b>3.618.050.116.296</b>	<b>3.506.175.733.556</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Phải trả góp vốn hợp tác đầu tư	47.945.085.410	65.202.177.935
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.673.110.040	11.397.792.040
Quỹ bảo trì dự án bất động sản	1.641.176.482	28.396.991.167
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.959.122.258	9.638.595.869
	<b>69.218.494.190</b>	<b>114.635.557.011</b>
<b>Trong đó, phải trả khác là bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	3.110.405.635	3.110.405.635



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/03/2020		Phát sinh trong kỳ		01/01/2020	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng VPBank	674.684.410.301	674.684.410.301	325.000.000.000	75.589.699	349.760.000.000	349.760.000.000
Ngân hàng HDBank	309.000.000.000	309.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000	309.000.000.000	309.000.000.000
Ngân hàng BIDV	127.272.126.360	127.272.126.360	100.240.841.605	197.056.978.891	224.088.263.646	224.088.263.646
Ngân hàng Viettinbank	24.920.686.396	24.920.686.396	24.920.686.396	-	-	-
Các công ty chứng khoán	353.175.320.879	353.175.320.879	273.748.082.239	252.209.558.247	331.636.796.887	331.636.796.887
Các công ty và cá nhân khác	348.084.978.570	348.084.978.570	250.680.264.500	328.241.266.000	425.645.980.070	425.645.980.070
Vay dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b</i> )	677.053.964.474	677.053.964.474	-	-	601.627.721.978	601.627.721.978
Nợ tài chính đến hạn trả	-	-	-	-	562.285.716	562.285.716
Trái phiếu đến hạn (xem <i>Thuyết minh b</i> )	1.759.373.471.929	1.759.373.471.929	-	-	2.814.893.130.565	2.814.893.130.565
<b>Cộng</b>	<b>4.273.564.958.909</b>	<b>4.273.564.958.909</b>	<b>1.124.589.874.740</b>	<b>927.583.392.837</b>	<b>5.057.214.178.862</b>	<b>5.057.214.178.862</b>
<i>Trong đó, các khoản vay của các bên liên quan</i>						
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	-	-	-	25.800.000.000	25.800.000.000	25.800.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/03/2020		Phát sinh trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>6.329.307.574.309</b>	<b>6.329.307.574.309</b>	<b>92.513.120.372</b>	<b>250.562.861.000</b>	<b>6.562.783.557.433</b>	<b>6.562.783.557.433</b>
Ngân hàng Vietinbank	3.639.481.915.857	3.639.481.915.857	-	27.419.000.000	3.666.900.915.857	3.666.900.915.857
Ngân hàng BIDV	2.183.264.648.979	2.183.264.648.979	48.020.209.372	135.690.600.000	2.270.935.039.607	2.270.935.039.607
Ngân hàng TPBank	429.157.206.695	429.157.206.695	-	50.000.000.000	479.157.206.695	479.157.206.695
Ngân hàng VPBank	59.684.307.738	59.684.307.738	-	5.000.000.000	64.684.307.738	64.684.307.738
Ngân hàng ACB	42.000.000.000	42.000.000.000	-	-	42.000.000.000	42.000.000.000
Ngân hàng ADB	4.946.550.014	4.946.550.014	-	-	4.946.550.014	4.946.550.014
Vay các cá nhân và tổ chức khác	647.826.909.500	647.826.909.500	44.492.911.000	32.453.261.000	635.787.259.500	635.787.259.500
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tr	(677.053.964.474)	(677.053.964.474)			(601.627.721.978)	(601.627.721.978)
<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>1.169.259.497</b>	<b>1.169.259.497</b>	<b>-</b>	<b>43.919.546</b>	<b>650.893.327</b>	<b>650.893.327</b>
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Đà Nẵng	1.169.259.497	1.169.259.497	-	43.919.546	1.213.179.043	1.213.179.043
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tr	-	-			(562.285.716)	(562.285.716)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)

	31/03/2020		Phát sinh trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
<b>Trái phiếu phát hành</b>	<b>4.925.636.964.875</b>	<b>4.960.450.000.000</b>	<b>2.710.990.532.027</b>	<b>1.071.653.225.164</b>	<b>2.230.779.999.376</b>	<b>2.266.000.000.000</b>
Trái phiếu CII2020_02	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	-	-	-
Trái phiếu CII012029_G	1.098.618.070.723	1.150.000.000.000	-	20.276.297.331	1.118.894.368.054	1.150.000.000.000
Trái phiếu CII BOND 2019-04	797.745.833.919	800.000.000.000	751.388.694	-	796.994.445.225	800.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2017 cho RAM	464.500.000.000	464.500.000.000	-	927.520.000.000	1.392.020.000.000	1.392.020.000.000
Trái phiếu CII_Bond 2019_01	367.415.072.167	370.000.000.000	-	2.584.927.833	370.000.000.000	370.000.000.000
Trái phiếu CII122020	298.800.000.000	300.000.000.000	400.000.000	-	298.400.000.000	300.000.000.000
Trái phiếu CII052022	256.595.625.000	261.000.000.000	489.375.000	-	256.106.250.000	261.000.000.000
Trái phiếu CII BOND 20201	250.000.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-
Trái phiếu CII2020_01	244.606.250.000	245.700.000.000	244.606.250.000	-	-	-
Trái phiếu CII2020_03	213.595.360.000	220.000.000.000	213.595.360.000	-	-	-
Trái phiếu CII072022	197.000.000.000	200.000.000.000	333.333.333	-	196.666.666.667	200.000.000.000
Trái phiếu CII 102021	196.250.000.000	200.000.000.000	625.000.000	-	195.625.000.000	200.000.000.000
Trái phiếu phát hành cho VIB	147.421.224.995	148.750.000.000	189.825.000	21.250.000.000	168.481.399.995	170.000.000.000
Trái phiếu CII_Bond 2018_01	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Trái phiếu CII_Bond 2019_02	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Trái phiếu BOND 2018_02	14.400.000.000	14.400.000.000	-	-	14.400.000.000	14.400.000.000
Trái phiếu CII 41401	8.063.000.000	8.063.000.000	-	22.000.000	8.085.000.000	8.085.000.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(1.759.373.471.929)	(1.801.963.000.000)	-	-	(2.814.893.130.565)	(2.829.505.000.000)
<b>Cộng vay và nợ dài hạn</b>	<b>11.256.113.798.681</b>	<b>11.290.926.833.806</b>	<b>2.803.503.652.399</b>	<b>1.322.260.005.710</b>	<b>8.794.214.450.136</b>	<b>8.829.434.450.760</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)*Lịch thanh toán của các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:*

	31/03/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	677.053.964.474	602.190.007.694
Trong năm thứ hai	1.229.370.754.807	964.248.416.759
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	909.046.365.677	1.150.893.043.164
Sau năm năm	4.192.059.713.322	4.448.292.990.837
	<b>7.007.530.798.280</b>	<b>7.165.624.458.454</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(677.053.964.474)	(602.190.007.694)
<b>Cộng</b>	<b>6.330.476.833.806</b>	<b>6.563.434.450.760</b>

*Lịch thanh toán của các khoản trái phiếu thường*

	31/03/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.801.963.000.000	2.829.505.000.000
Trong năm thứ hai	733.750.000.000	285.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.076.700.000.000	831.000.000.000
Sau năm năm	1.150.000.000.000	1.150.000.000.000
	<b>6.762.413.000.000</b>	<b>5.095.505.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.801.963.000.000)	(2.829.505.000.000)
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(34.813.035.125)	(35.220.000.624)
<b>Cộng</b>	<b>4.925.636.964.875</b>	<b>2.230.779.999.376</b>

(\*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào chi phí đi vay trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho trái phiếu chưa đáo hạn***Trái phiếu CII2020\_02 với tổng mệnh giá phát hành là 2.000 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; có tài sản đảm bảo; có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 13 tháng 3 năm 2020;
- Kỳ hạn: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty;
- Tài sản đảm bảo: cổ phần Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội, Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Cầu Đường CII, Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng CII, Công Ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn, Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Năm Bảy Bảy thuộc sở hữu của CII.

*Trái phiếu CII012029\_G với tổng mệnh giá phát hành là 1.150 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 11.500.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 31 tháng 1 năm 2019;
- Kỳ hạn: 10 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 7,2%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tài trợ vốn cho các dự án BOT trọng điểm của Công ty;
- Trái phiếu này được bảo lãnh thanh toán bởi GuarantCo Ltd với thời hạn bảo lãnh là 10 năm.

*Trái phiếu CIIBOND2019\_04 với tổng mệnh giá phát hành là 800 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 800.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi và có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 31 tháng 7 năm 2019;
- Kỳ hạn: 366 ngày;
- Lãi trái phiếu: 9,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần;
- Tài sản đảm bảo: 15.683.325 cổ phiếu NBB, 10.337.050 cổ phiếu SII, 5.831.690 cổ phiếu LGC, quyền phải thu của NBB cho các hợp đồng chuyển nhượng đất thuộc các dự án kinh doanh bất động sản như NBB4, NBB2 và 751,3 tỷ vốn góp trong Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia.
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)*Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2017 cho RAM với mệnh giá 20 triệu USD*

- Mệnh giá: 100.000 Đô la Mỹ;
- Số lượng chào bán: 200 trái phiếu;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: Quỹ đầu tư Rhinos Vietnam Convertible Bond Private Investment Fund No. 1 thông qua các nhà đầu tư được ủy thác Industrial Bank Of Korea;
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành và có thể được gia hạn năm (05) lần mỗi lần một (01) năm;
- Lãi trái phiếu: 1%/năm, được thanh toán 6 tháng/lần kể từ ngày phát hành;
- Ngày phát hành: ngày 11 tháng 7 năm 2017;
- Mua lại trước hạn theo quyền chọn bán của Trái chủ: sau ba (03) năm kể từ ngày phát hành, với lãi suất tính giá mua lại là 3%/năm. Mệnh giá mua lại tối thiểu là 3 triệu Đô la Mỹ và là bội số của 100.000 Đô la Mỹ.
- Mua lại trước hạn theo quyền chọn bán của Tổ chức phát hành: sau ba (03) năm kể từ ngày phát hành, Công ty được quyền mua lại tối đa 50% số mệnh giá trái phiếu đã phát hành với lãi suất tính giá mua lại là 4,5%/năm. Mệnh giá mua lại tối thiểu là 3 triệu Đô la Mỹ và là bội số của 100.000 Đô la Mỹ.
- Trái phiếu được phép chuyển đổi sau một (01) năm kể từ ngày phát hành với tỷ giá quy đổi là 22.660 VND/USD và giá chuyển đổi là 38.500 đồng/cổ phần. Mệnh giá trái phiếu chuyển đổi tối thiểu là 500.000 Đô la Mỹ và là bội số của 100.000 Đô la Mỹ.
- Mục đích sử dụng vốn: tài trợ cho dự án hạ tầng BT ở Khu đô thị mới Thủ Thiêm bằng cách góp vốn vào Công ty TNHH Khu MTV Bắc Thủ Thiêm.

Vào ngày 5 tháng 10 năm 2019 nhà đầu tư đã gửi thông báo đến Công ty yêu cầu mua lại trước hạn trái phiếu vào ngày tròn 3 năm kể từ ngày phát hành (ngày 11 tháng 7 năm 2020). Toàn bộ mệnh giá trái phiếu này đã được phân loại và trình bày là nợ đến hạn trả của khoản mục Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

*Trái phiếu CII\_BOND2019\_01 với tổng mệnh giá phát hành là 370 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 370.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có lãi suất cố định và có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 25 tháng 2 năm 2019;
- Kỳ hạn: 3 năm;
- Lãi trái phiếu: 9,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 12 tháng/lần, trả lãi sau;
- Tài sản đảm bảo: 6.700.000 cổ phiếu NBB, 235 tỷ phần vốn góp Công Ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)*Trái phiếu CII 122020 với tổng mệnh giá phát hành là 300 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 29 tháng 12 năm 2017;
- Kỳ hạn: 3 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: áp dụng cho 2 kỳ đầu tiên 10%/năm; các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu của kỳ xác định lãi suất đó cộng 3,3%/năm
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.
- Tài sản đảm bảo: 7.250.000 cổ phiếu CEE, 10.622.674 cổ phiếu LGC, 10.000.000 cổ phiếu NBB, đồng thời Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm thực hiện bảo lãnh không hủy ngang tất cả các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến trái phiếu.

*Trái phiếu CII052022 với tổng mệnh giá phát hành là 261 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.610;
- Trái chủ: Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không có tài sản đảm bảo; có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 21 tháng 5 năm 2019;
- Kỳ hạn: 3 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho năm đầu tiên là 11%/năm. Năm thứ 2, lãi suất được tính bằng bình quân tổng lãi suất tham chiếu cộng biên độ tối đa không quá 3,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

*Trái phiếu CIIBOND20201 với tổng mệnh giá phát hành là 250 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.500;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 2 tháng 1 năm 2020;
- Kỳ hạn: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: lãi suất được tính bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,85%/năm, nhưng trong mọi trường hợp không thấp hơn 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.
- Tài sản đảm bảo: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 386146, số vào sổ cấp GCN CT77640 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/03/2019



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)

*Trái phiếu CII2020\_01 với tổng mệnh giá phát hành là 300 tỷ VND, số đã phát hành đến 31/03/2020 là 245,7 tỷ*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.457;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không có tài sản đảm bảo; không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 12 tháng 03 năm 2020;
- Kỳ hạn: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho năm đầu tiên là 11%/năm. Năm thứ 2, lãi suất được tính bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,5%/năm, nhưng trong mọi trường hợp không thấp hơn 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

*Trái phiếu CII2020\_03 với tổng mệnh giá phát hành là 220 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.200;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 19 tháng 03 năm 2020;
- Kỳ hạn: 13 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: tiền lãi được thanh toán vào ngày đáo hạn, hoặc ngày đến hạn khác để thực hiện mua lại;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

*Trái phiếu CII072022 với tổng mệnh giá phát hành là 200 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000;
- Trái chủ: Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 24 tháng 7 năm 2019;
- Kỳ hạn: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 2 kỳ tính lãi đầu là 11%/năm, các kỳ sau bằng lãi suất có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong + biên độ 3,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

*Trái phiếu CII102021 với tổng mệnh giá phát hành là 200 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000;
- Trái chủ: Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không có tài sản đảm bảo; có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 24 tháng 10 năm 2019;
- Kỳ hạn: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 4 kỳ tính lãi đầu là 11%/năm, các kỳ sau bằng lãi suất có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong + biên độ 4%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)*Trái phiếu 380 tỷ phát hành cho Ngân hàng VIB - chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:*

- Loại trái phiếu: trái phiếu thường không chuyển đổi;
- Mệnh giá: 380.000.000.000 VND;
- Ngày phát hành: 23 tháng 12 năm 2016;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm.
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 3 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến Trái phiếu;
- Lãi suất: Lãi suất trong 4 kỳ đầu tiên là 9%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VIB + biên độ 2,8%/năm;
- Mục đích: 160 tỷ VND trái phiếu được sử dụng để đầu tư giai đoạn 2 dự án Củ Chi và 220 tỷ VND được sử dụng để góp vốn thành lập công ty con.

*Trái phiếu CII\_BOND2018\_01 với tổng mệnh giá phát hành là 200 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo,
- Ngày phát hành: 23 tháng 3 năm 2018 phát hành 100 tỷ VND và ngày 19 tháng 4 năm 2018 phát hành 100 tỷ VND;
- Kỳ hạn: 2 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 10,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

*Trái phiếu CII\_BOND2019\_02 với tổng mệnh giá phát hành là 30 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 300.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo.
- Ngày phát hành: 24 tháng 4 năm 2019;
- Kỳ hạn: 1 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 10,4%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: thanh toán vào ngày đáo hạn;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

*Trái phiếu CII\_BOND2018\_02 với tổng mệnh giá phát hành là 100 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 1.000.000;
- Trái chủ: Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 14 tháng 12 năm 2018;
- Kỳ hạn: 2 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 10%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.
- Tài sản đảm bảo: 7.800.000 cổ phần Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)*Trái phiếu CII 41401 phát hành tháng 6 năm 2014*

- Mệnh giá: 1.000.000 VND;
- Tổng mệnh giá phát hành: 1.081.846.000.000 VND;
- Thời gian phát hành: tháng 6 năm 2014
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: Các cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên của Công ty;
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành.
- Lãi trái phiếu: 12%/năm, được thanh toán 1 năm/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu;
- Giá chuyển đổi: 11.000 VND/cổ phần;
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Mục đích sử dụng vốn: Công ty đã sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu để đầu tư vào Công ty CII E&C với số tiền là 120 tỷ VND; hoàn trả một phần nợ gốc trái phiếu phát hành năm 2007 với số tiền là 500 tỷ VND; bổ sung vốn lưu động cho Công ty là 58,615 tỷ VND và đầu tư vào dự án xây dựng cao ốc văn phòng 152 Điện Biên Phủ với số tiền là 261,015 tỷ VND. Như vậy, tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2020, Công ty CII đã sử dụng 939,63 tỷ VND để đầu tư theo đúng phương án phát hành trái phiếu, số tiền còn lại là 141,995 tỷ VND sẽ được sử dụng để đầu tư vào dự án cao ốc văn phòng 152 Điện Biên Phủ theo tiến độ triển khai dự án.

Công ty đã tiến hành 6 đợt chuyển đổi trái phiếu với tổng số lượng trái phiếu đã chuyển đổi là 1.072.836, tương đương tổng mệnh giá là 1.072.836.000.000 VND, số lượng cổ phiếu được chuyển đổi là 97.520.334 cổ phiếu. Giá trị còn lại của trái phiếu là 8.175.000.000 VND đã hết quyền chuyển đổi, sẽ được hoàn trả lại cho nhà đầu tư và được trình bày là một khoản nợ ngắn hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**23. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (NCI) VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày</b>									
<b>01/01/2019</b>	<b>2.830.432.730.000</b>	<b>418.479.467.361</b>	<b>5.968.432.055</b>	<b>(851.997.873.500)</b>	<b>6.660.084.447</b>	<b>217.516.506.623</b>	<b>2.361.191.108.664</b>	<b>2.725.232.942.798</b>	<b>7.713.483.398.448</b>
Chuyển đổi trái phiếu	1.248.790.000	125.210.000	-	-	-	-	-	-	1.374.000.000
Kết chuyển quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	5.968.432.055	(5.968.432.055)	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	195.843.737.421	326.007.909.681	521.851.647.102
Hợp nhất công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	-	1.132.563.796.977	1.132.563.796.977
(Lỗ)/lãi khi thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	-	-	(33.657.091.584)	(452.302.165.383)	(485.959.256.967)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.445.336)	(80.478.895)	(82.924.231)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	11.735.721.680	(22.250.296.144)	(15.243.941.082)	(25.758.515.546)
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	(1.318.694.019)	-	(147.263.982.227)	(148.582.676.246)
Tặng/(giảm) khác	-	3.320.629	-	-	-	399.440.104	(9.931.631.194)	6.745.064.952	(2.783.805.509)
<b>Tại ngày</b>									
<b>31/12/2019</b>	<b>2.831.681.520.000</b>	<b>424.576.430.045</b>	<b>-</b>	<b>(851.997.873.500)</b>	<b>6.660.084.447</b>	<b>228.332.974.388</b>	<b>2.491.193.381.827</b>	<b>3.575.659.146.821</b>	<b>8.706.105.664.028</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**23. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (NCI) VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày</b>									
<b>01/01/2020</b>	<b>2.831.681.520.000</b>	<b>424.576.430.045</b>	-	<b>(851.997.873.500)</b>	<b>6.660.084.447</b>	<b>228.332.974.388</b>	<b>2.491.193.381.827</b>	<b>3.575.659.146.821</b>	<b>8.706.105.664.028</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	245.958.828.068	28.868.291.780	274.827.119.848
(Lỗ)/lãi khi thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	-	-	755.809.686	(65.485.358.908)	(64.729.549.222)
NCI góp thêm vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	-	103.157.600	103.157.600
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(1.284.273)	(1.284.273)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	(2.130.179.067)	(869.820.933)	(3.000.000.000)
Tái cấu trúc, công ty con trở thành công ty liên kết Tăng/(giảm) khác	-	(3.320.629)	-	-	-	-	3.134.573.083	(4.298.086.858)	(4.298.086.858)
								(343.759.559)	2.787.492.895
<b>Tại ngày</b>									
<b>31/03/2020</b>	<b>2.831.681.520.000</b>	<b>424.573.109.416</b>	-	<b>(851.997.873.500)</b>	<b>6.660.084.447</b>	<b>228.332.974.388</b>	<b>2.738.912.413.597</b>	<b>3.533.632.285.670</b>	<b>8.911.794.514.018</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**23. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	31/03/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	283.168.152	283.168.152
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	283.168.152	283.168.152
+ Cổ phiếu phổ thông	283.168.152	283.168.152
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(35.329.870)	(35.329.870)
+ Cổ phiếu phổ thông	(35.329.870)	(35.329.870)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	247.838.282	247.838.282
+ Cổ phiếu phổ thông	247.838.282	247.838.282

**c. Cổ tức**

Cổ tức năm 2019 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ tối đa 32%. Tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thu phí giao thông	178.914.621.821	175.574.599.995
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	160.469.644.896	108.508.559.504
Doanh thu từ hoạt động xây dựng, duy tu, xây lắp công trình	90.140.251.114	91.070.292.351
Doanh thu cung cấp nước sạch	48.487.652.651	39.028.492.649
Doanh thu bán hàng	7.222.549.099	44.108.206.632
Doanh thu xây dựng theo hợp đồng B.T	-	111.275.322.591
Doanh thu cung cấp, lắp đặt vật tư thiết bị ngành nước	2.412.234.717	2.534.934.789
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.314.083.697	5.986.931.484
	<b>490.961.037.995</b>	<b>578.087.339.995</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(5.124.940.154)	(5.077.349.612)
Hàng bán bị trả lại	(13.814.369.250)	-
Giảm giá hàng bán	-	(160.012.240)
	<b>(18.939.309.404)</b>	<b>(5.237.361.852)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>472.021.728.591</b>	<b>572.849.978.143</b>

**Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan**

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	76.809.676.422	72.138.517.273
--	----------------	----------------

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
	VND	VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	61.752.636.844	52.494.626.867
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	75.333.474.268	71.126.241.605
Giá vốn hoạt động xây dựng, duy tu, xây lắp công trình	85.584.477.439	73.051.809.211
Giá vốn cung cấp nước sạch	52.691.051.523	48.627.164.370
Giá vốn hàng đã bán	8.614.431.539	39.537.145.935
Giá vốn xây dựng theo hợp đồng B.T	-	111.275.322.591
Giá vốn cung cấp, lắp đặt vật tư thiết bị ngành nước	2.012.895.922	1.839.592.519
Giá vốn cung cấp dịch vụ hạ tầng và các dịch vụ khác	2.191.923.704	5.305.174.197
<b>Cộng</b>	<b>288.180.891.239</b>	<b>403.257.077.295</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
	VND	VND
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính (i)	400.656.012.170	-
Lãi bảo toàn vốn chủ theo hợp đồng B.O.T	75.386.205.440	57.102.164.034
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	73.233.722.192	57.519.293.805
Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.800.000.000	10.320.000.000
Lãi đầu tư trái phiếu	-	9.668.618.722
<b>Cộng</b>	<b>575.075.939.802</b>	<b>134.610.076.561</b>

*Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	35.719.622.910	17.991.288.803
Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp	25.800.000.000	10.320.000.000
<b>Cộng</b>	<b>61.519.622.910</b>	<b>28.311.288.803</b>

(i) Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính bao gồm 386.535.444.287 VND phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng 80% vốn góp trong TTRVP cho CG (như đã trình bày chi tiết tại thuyết minh số 1 - Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ có liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất)

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	228.400.999.259	156.832.597.752
Chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu	19.235.173.463	(764.901.669)
Lỗ từ thoái vốn công ty con	-	31.510.634
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	13.598
Chi phí tài chính khác	4.125.770.359	1.450.859.203
<b>Cộng</b>	<b>251.761.943.081</b>	<b>157.550.079.518</b>

*Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan***Chi phí lãi vay**

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	-	1.331.493.592
--	---	---------------



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND
Chi phí nhân viên	5.805.021.670	6.570.473.181
Chi phí môi giới, hoa hồng	395.473.811	-
Chi phí in vé thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ	-	156.750.759
Chi phí khấu hao tài sản cố định	126.348.273	40.978.929
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	581.328.229	263.347.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	1.332.653.816	1.543.058.856
<b>Cộng</b>	<b>8.240.825.799</b>	<b>8.574.608.725</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	25.976.684.942	24.267.011.510
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.084.622.900	1.361.621.706
Chi phí khấu hao và phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định vô hình từ hợp nhất kinh doanh	18.860.195.529	16.851.249.106
Thuế, phí và lệ phí	917.432.777	40.114.546
Chi phí dự phòng	(25.030.127)	(230.038.364)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.435.755.390	5.097.339.732
Phân bổ lợi thế thương mại	59.652.756.002	59.174.478.727
Chi phí bằng tiền khác	5.223.510.859	6.993.880.638
<b>Cộng</b>	<b>123.125.928.272</b>	<b>113.555.657.601</b>

**7. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND
Thu nhập từ nhận bồi thường, phạt hợp đồng	4.373.427.119	765.645.507
Phân bổ khoản hỗ trợ của Nhà Nước	-	50.000.000.000
Thu từ thanh lý tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	160.085.933
Thu nhập khác	699.155.369	350.741.531
<b>Cộng</b>	<b>5.072.582.488</b>	<b>51.276.472.971</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND
Chi phí hợp đồng hợp tác đầu tư dự án khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	34.869.170.985	-
Các khoản phạt vi phạm hành chính, phạt hợp đồng và phạt thuế	375.990.914	76.607.215
Lỗ thanh lý TSCĐ và XDCB dở dang	105.120.835	27.889.400
Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	786.305.792	1.184.446.655
<b>Cộng</b>	<b>36.136.588.526</b>	<b>1.288.943.270</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	70.115.891.134	31.058.515.479
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	282.530.613	-
<b>Cộng</b>	<b>70.398.421.747</b>	<b>31.058.515.479</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	245.958.828.068	(5.510.236.774)
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>245.958.828.068</b>	<b>(5.510.236.774)</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	247.838.282	247.713.403
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>992</b>	<b>(22)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)**11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Yếu tố có tác động suy giảm đến lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty là các trái phiếu chuyển đổi. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	245.958.828.068	(5.510.236.774)
Cộng lãi của trái phiếu chuyển đổi	-	2.785.080.000
<b>Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>245.958.828.068</b>	<b>(2.725.156.774)</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	247.838.282	247.713.403
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được chuyển đổi từ trái phiếu	-	36.293.610
<b>Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sau khi điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>247.838.282</b>	<b>284.007.013</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>-</b>	<b>(10)</b>



**THUYẾT MINH BÁC CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 1 năm 2020

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan của Công ty là các công ty liên doanh, liên kết do Công ty thực hiện đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư gián tiếp qua các công ty con khác như đã trình bày tại Thuyết minh số I - Cấu trúc Công ty. Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong kỳ Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND
<b>Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận</b>		
Hỗ trợ vốn	209.000.000.000	541.500.000.000
Thu tiền thi công dự án	-	20.000.000.000
Cán trừ thu tiền thi công vào nợ vay	-	130.980.409.900
Nhận hỗ trợ vốn	-	25.000.000.000

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ:**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND
Lương	1.923.860.000	689.670.000
Thưởng	3.077.028.888	358.140.000
<b>Cộng</b>	<b>5.000.888.888</b>	<b>1.047.810.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

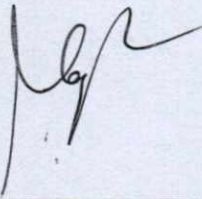
Quý 1 năm 2020

**2. Nợ tiềm tàng**

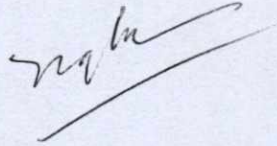
Ngày 9 tháng 4 năm 2019 Công ty đã đạt được quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB) với tỷ lệ quyền biểu quyết là 50,45%. Công ty NBB chính thức trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này. Trước đó, vào ngày 23 tháng 3 năm 2018 đã xảy ra vụ cháy Chung cư Carina Plaza, tọa lạc tại số 1648 đường Võ Văn Kiệt, phường 16, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Chung cư Carina do Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Hùng Thanh ("Công ty Hùng Thanh") - một công ty con do NBB sở hữu 95% vốn điều lệ - là chủ đầu tư và được quản lý vận hành bởi một bên thứ ba. Nguyên nhân xảy ra vụ cháy là do khách quan vì chạm chập điện của xe máy theo Thư thông báo kết luận giám định số 1732/TB-PC44-Đ3 ngày 9 tháng 7 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Các nghĩa vụ pháp lý và trách nhiệm đền bù thiệt hại liên quan đến vụ việc này đang được các cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra và làm rõ.

Đến ngày 31 tháng 3 năm 2020, Công ty Hùng Thanh, với sự hỗ trợ tài chính từ Công ty NBB, đã chi tạm ứng tiền đền bù thiệt hại và khắc phục hậu quả cho vụ việc nêu trên với tổng số tiền là 104.160.750.348 VND. Tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty NBB, do chưa có kết luận chính thức từ cơ quan điều tra về giá trị thiệt hại thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư nên Công ty chưa thể xác định được giá trị hợp lý của khoản công nợ tiềm tàng liên quan đến vụ việc này làm cơ sở điều chỉnh giá trị hợp lý của tài sản thuần khi hợp nhất công ty NBB.

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty cũng chưa có cơ sở để ghi nhận dự phòng nghĩa vụ phải trả vì còn chờ kết luận chính thức từ các cơ quan điều tra. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá, khoản đền bù thiệt hại thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư (nếu có) sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Công ty.



**Mai Thị Thu Phương**  
Người lập biểu



**Nguyễn Thị Mai Hương**  
Kế toán trưởng



**Lê Quốc Bình**  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 04 năm 2020